

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH: CHĂN NUÔI
(ANIMAL SCIENCE)
MÃ NGÀNH: 60.62.01.05

Đắk Lắk, năm 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Chuyên ngành: CHĂN NUÔI

Tiếng Anh: ANIMAL SCIENCE

Mã ngành: 60.62.01.05

Đắk Lắk, năm 2015

MỤC LỤC

1.	MỤC TIÊU ĐÀO TẠO.....	1
2.	THỜI GIAN ĐÀO TẠO	2
3.	ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH	2
4.	KHỐI LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH.....	3
5.	CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH, THỰC HÀNH	3
6.	ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	4
7.	THANG ĐIỂM.....	4
8.	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	4
9.	KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO	6
10.	TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO	8
11.	MÔ TẢ VĂN TẮT NỘI DUNG, KHỐI LƯỢNG HỌC PHẦN	9
12.	DANH MỤC ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN	17
13.	CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP.....	17
14.	HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	22

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 51/QĐ-ĐHTN-ĐTSDH ngày 08 tháng 01 năm 2015
của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)*

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Chăn nuôi (Animal science)

Loại hình đào tạo: Tập trung

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo học viên có trình độ Thạc sĩ ngành Chăn nuôi theo định hướng ứng dụng; có kiến thức chuyên học phần vững vàng, có năng lực thực hành, nghiên cứu, có khả năng thích ứng trước sự phát triển của khoa học kỹ thuật, kinh tế, xã hội; có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành chăn nuôi và có thể làm việc tốt ở các trường đại học, viện nghiên cứu, Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc các Trung tâm Khuyến nông, các Cơ quan nhà nước, Doanh nghiệp cần có nghiệp vụ, trình độ chuyên môn cao.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Cung cấp những kiến thức cơ bản về các học phần chung (Triết học, Ngoại ngữ) và bổ sung, mở rộng kiến thức các học phần cơ sở liên quan đến ngành chăn nuôi nhằm giúp học viên có thể vận dụng trong quá trình học tập chuyên ngành.

- Bổ sung, mở rộng, nâng cao các kiến thức ngành chăn nuôi và tăng cường kiến thức liên ngành giữa chăn nuôi, thú y, trồng trọt, kinh tế, quản lý,...

- Nâng cao kỹ năng thực hành và phương pháp nghiên cứu khoa học để học viên có thể độc lập thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học chuyên ngành và có tay nghề cao, phục vụ tốt cho các hoạt động về chăn nuôi và khuyến nông tại các cơ sở sản xuất, đáp ứng nhu cầu thực tiễn sản xuất.

- Cung cấp nguồn nhân lực và phương pháp nghiên cứu cho các loại hình đào tạo cao hơn (Tiến sĩ)

1.3. Phương pháp đào tạo

Kết hợp các hình thức học tập trên lớp, phòng thí nghiệm (lý thuyết, báo cáo chuyên đề, sinh hoạt học thuật, ...) với tự học tập, tự nghiên cứu và đặc biệt chú trọng việc phát huy năng lực thực hành, kỹ năng nghiên cứu khoa học, năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề chuyên ngành trong phát triển sản xuất nông nghiệp.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Đào tạo theo hệ tập trung 2 năm, tổ chức giảng dạy trong 4 học kỳ, mỗi năm tổ chức thành 2 học kỳ. Ở mỗi học kỳ thời gian lên lớp học lý thuyết và thực hành trong 10-12 tuần lễ (30 tiết chuẩn/tuần), thời gian còn lại dành cho học viên tham khảo tài liệu tại thư viện, tự học hoặc làm việc với cán bộ hướng dẫn để định hướng đề tài nghiên cứu tốt nghiệp

3. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo Quy chế tuyển sinh sau đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh có đủ các điều kiện sau đây được dự thi đào tạo thạc sĩ:

3.1. Về văn bằng:

- Có bằng tốt nghiệp Kỹ sư Chăn nuôi; Chăn nuôi Thủy sản và Bác sĩ Thú y.
- Có bằng tốt nghiệp Kỹ sư các ngành học gần với chuyên ngành Chăn nuôi bao gồm: Sư phạm Kỹ thuật Nông Lâm, Sinh học, Công nghệ sinh học, Nuôi trồng thủy sản,

3.2. Về thâm niên công tác:

- Người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.
- Những trường hợp còn lại phải có ít nhất 12 tháng kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Chăn nuôi Thú y kể từ khi tốt nghiệp đại học (tính từ ngày Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp) đến ngày đăng ký dự thi.

- Có đủ sức khoẻ để học tập và lao động theo quy định tại Thông tư liên Bộ Y tế - Đại học, THCN và DN số 10/TT-LB ngày 18/8/1989 và công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20/8/1990 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Tây Nguyên.

3.3. Các môn thi tuyển

- + Ngoại ngữ: Tiếng Anh
- + Môn cơ bản: Chăn nuôi trâu bò
- + Môn cơ sở: Sinh lý động vật

4. KHỐI LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH

- Tổng số tín chỉ toàn khóa: 60 tín chỉ, trong đó:
- Phần Kiến thức chung: 9 tín chỉ;
- Phần Kiến thức cơ sở: 17 tín chỉ;
- Phần Kiến thức chuyên ngành: 24 tín chỉ;
- Luận văn tốt nghiệp: 10 tín chỉ.

(Mỗi tín chỉ lý thuyết có 15 tiết, thực hành 30 tiết).

5. CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH, THỰC HÀNH

5.1. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Thạc sỹ khoa học Chăn nuôi, chuyên ngành được xây dựng trên cơ sở Quy chế đào tạo trình độ thạc sỹ ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2014/TT - BGD & ĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; căn cứ vào nhu cầu và thực tiễn của ngành ở trong nước và trên cơ sở tham khảo các chương trình của các trường đại học trong và ngoài nước về đào tạo Cao học Chăn nuôi.

5.2. Giáo trình, tài liệu

Trường có thư viện với hơn 145.000 đầu sách bao gồm sách giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo về khoa học tự nhiên và xã hội, ... khá phong phú để cho

sinh viên các chuyên ngành đào tạo trong trường ở các trình độ khác nhau học tập và tham khảo. Ngoài ra, trường có trung tâm Thông tin tư liệu với số lượng khá lớn máy vi tính được kết nối internet để cán bộ và sinh viên trong trường có thể khai thác tài liệu khoa học trong và ngoài nước. Trung tâm đã liên kết với Trung tâm tư liệu Quốc gia với hơn 11.000 tài liệu điện tử khoa học trong và ngoài nước để tham khảo.

Các giáo trình, bài giảng và tài liệu phục vụ học tập giảng dạy dựa trên các tài liệu, giáo trình của Bộ Giáo dục & Đào tạo cho bậc thạc sĩ; các giáo trình bài giảng từ các trường có kinh nghiệm đào tạo thạc sĩ như Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Trường Đại học Nông Lâm Huế, Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh... và của các giáo viên có kinh nghiệm đào tạo thạc sĩ trong trường...

Hệ thống các tài liệu khoa học của trường như Luận án Tiến sĩ, Thạc sĩ và tạp chí khoa học Trường Đại học Tây Nguyên cũng là nguồn tài liệu hữu ích cho việc đào tạo Thạc sĩ Chăn nuôi tại trường

5.3. Thực hành thực tập

Các học phần có nội dung thực hành, thực tập sẽ được tiến hành tại các phòng thí nghiệm của các bộ môn trong khoa, Viện sinh thái tài nguyên...

6. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Học viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và Thông tư về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ (ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2014/TT – BGD & ĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

7. THANG ĐIỂM

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số: 2603/QĐ – ĐHTN-ĐTSDH ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

9.1. Kiến thức chung:	09 TC	bắt buộc: 9TC, tự chọn: 0TC
9.2. Kiến thức cơ sở:	17 TC	bắt buộc: 9TC, tự chọn: 8TC
9.3. Kiến thức chuyên ngành:	24 TC	bắt buộc: 14 TC, tự chọn: 10TC
9.4. Luận văn tốt nghiệp:	10 TC	bắt buộc: 10TC, tự chọn: 0TC

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)
----	-------------	--------------	----------------------

			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
1.	TR810001	Triết học	3	3	0
2.	TA810099	Tiếng Anh	6	6	0

8.1. Kiến thức chung: 9 TC (Bắt buộc 9, Tự chọn: 0)

8.2. Kiến thức cơ sở: 17 TC (Bắt buộc 9, Tự chọn:8)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng (TC)		
			Tổng	LT	TH

	* Học phần bắt buộc		9	8.5	0.5
3.	CN811003	Hóa sinh động vật	2	2	0
4.	CN811004	Sinh lý động vật	3	2.5	0.5
5.	CN811005	Di truyền động vật	2	2	0
6.	CN811006	Dinh dưỡng động vật	2	2	0
	* Học phần tự chọn (chọn 8/14 TC)		8	8	0
7.	CN811007	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2	0
8.	CN811008	Thống kê sinh học và thiết kế thí nghiệm	2	2	0
9.	CN811009	Phương pháp viết tài liệu k.học	2	2	0
12.	TY811010	Miễn dịch học thú y	2	2	0
10.	CN811011	Công nghệ sinh học ứng dụng trong chăn nuôi	2	2	0
11.	CN811012	Vi sinh vật trong chăn nuôi	2	2	0
13.	TY811013	Bệnh dinh dưỡng	2	2	0
Tổng cộng			17	16.5	0.5

8.3. Kiến thức chuyên ngành 24 TC (Bắt buộc 14, Tự chọn: 10)

	* Học phần bắt buộc		14	11.5	2.5
14.	CN812014	Giống vật nuôi	2	1.5	0.5
15.	CN812015	Thức ăn gia súc	3	2.5	0.5
16.	CN812016	Chăn nuôi trâu bò	3	2.5	0.5
17.	CN812017	Chăn nuôi gia cầm	3	2.5	0.5
18.	CN812018	Chăn nuôi lợn	3	2.5	0.5

	* Học phần tự chọn (chọn 10/18 TC)		10	10	0
19.	CN812019	Môi trường chăn nuôi	2	2	0
20.	CN812020	Hệ thống chăn nuôi gia súc nhiệt đới	2	2	0
21.	CN812021	Công nghệ sinh sản vật nuôi	2	2	0
22.	CN812022	Bảo quản và chế biến các sản phẩm chăn nuôi	2	2	0
23.	CN812023	Chăn nuôi động vật hoang dã	2	2	0
24.	CN812024	Chăn nuôi dê, cừu, thỏ	2	2	0
25.	CN812025	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	2	2	0
26.	CN812026	Cây thức ăn gia súc	2	2	0
27.	CN812027	Kỹ thuật nuôi ong	2	2	0

8.4. Luận văn tốt nghiệp: 10 TC (Bắt buộc 10, Tự chọn: 0)

28.	CN814999	Luận văn tốt nghiệp	10	0	10
-----	----------	---------------------	----	---	----

9. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

- Ba học kỳ đầu học các học phần lý thuyết;
- Học kỳ cuối (kỳ 4) thực hiện luận văn tốt nghiệp.

I. Học kỳ 1:					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ hoặc số tiết			Giảng viên
		Tổng	LT	TH	
TR810001	Triết học	3	3	0	Khoa Lí luận Chính trị
CN811003	Hóa sinh động vật	2	2	0	PGS.TS. Trần Quang Hân
CN811004	Sinh lý động vật	3	2.5	0.5	PGS. TS. Nguyễn Tấn Vui; TS. Nguyễn Tuấn Hùng
CN811005	Di truyền động vật	2	2	0	GS.TS. Đặng Vũ Bình ; TS. Phạm Thế Huệ
CN811006	Dinh dưỡng động vật	2	2	0	TS. Trương Tấn Khanh
	Cộng học kỳ 1	12	11.5	0.5	
	Ôn và thi học kỳ 1				
II. Học kỳ 2:					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ hoặc số tiết			Giảng viên
		Tổng	LT	TH	
CN812014	Giống vật nuôi	2	1.5	0.5	TS. Phạm Thế Huệ

CN812015	Thức ăn gia súc	3	2.5	0.5	TS. Trương Tấn Khanh
CN812016	Chăn nuôi trâu bò	3	2.5	0.5	TS. Văn Tiến Dũng
CN811007	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (TC)	8	8	0	PGS.TS. Trần Quang Hân
CN811008	Thống kê sinh học và thiết kế thí nghiệm (TC)			0	TS. Văn Tiến Dũng
CN811009	Phương pháp viết tài liệu khoa học (TC)			0	TS. Trương Tấn Khanh
TY811010	Miễn dịch học thú y (TC)				TS. Cao Văn Hồng
CN811011	Công nghệ sinh học ứng dụng trong chăn nuôi (TC)			0	TS. Tạ Thị Bích Duyên (Viện Chăn nuôi Quốc gia)
CN811012	Vi sinh vật trong chăn nuôi (TC)			0	PGS.TS Nguyễn Văn Tuấn (mời) Nguyễn Mạnh Thuật
TY811013	Bệnh dinh dưỡng (TC)				TS. Trương Tấn Khanh; TS. Trần Quang Hân
	Cộng học kỳ 2:	16	14.5	1.5	
	Ôn và thi học kỳ 2				
	Đăng ký, giao đề tài luận văn				
III. Học kỳ 3:					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ hoặc số tiết			Giảng viên
		Tổng	LT	TH	
CN812017	Chăn nuôi gia cầm	3	2.5	0.5	TS. Trần Quang Hân
CN812018	Chăn nuôi lợn	3	2.5	0.5	TS. Hoàng Nghĩa Duyệt; Nguyễn Mạnh Thuật
CN812019	Môi trường chăn nuôi (TC)	10	10	0	TS. Đinh Nam Lâm
CN812020	Hệ thống chăn nuôi gia súc nhiệt đới (TC)				PGS.TS. Vũ Chí Cương; TS. Vũ Tiến Quang
CN812021	Công nghệ sinh sản vật nuôi (TC)				TS. Nguyễn Tuấn Hùng
CN812022	Bảo quản và chế biến các sản phẩm chăn nuôi (TC)				PGS.TS. Vũ Chí Cương; PGS.TS. Trần Quang Hân

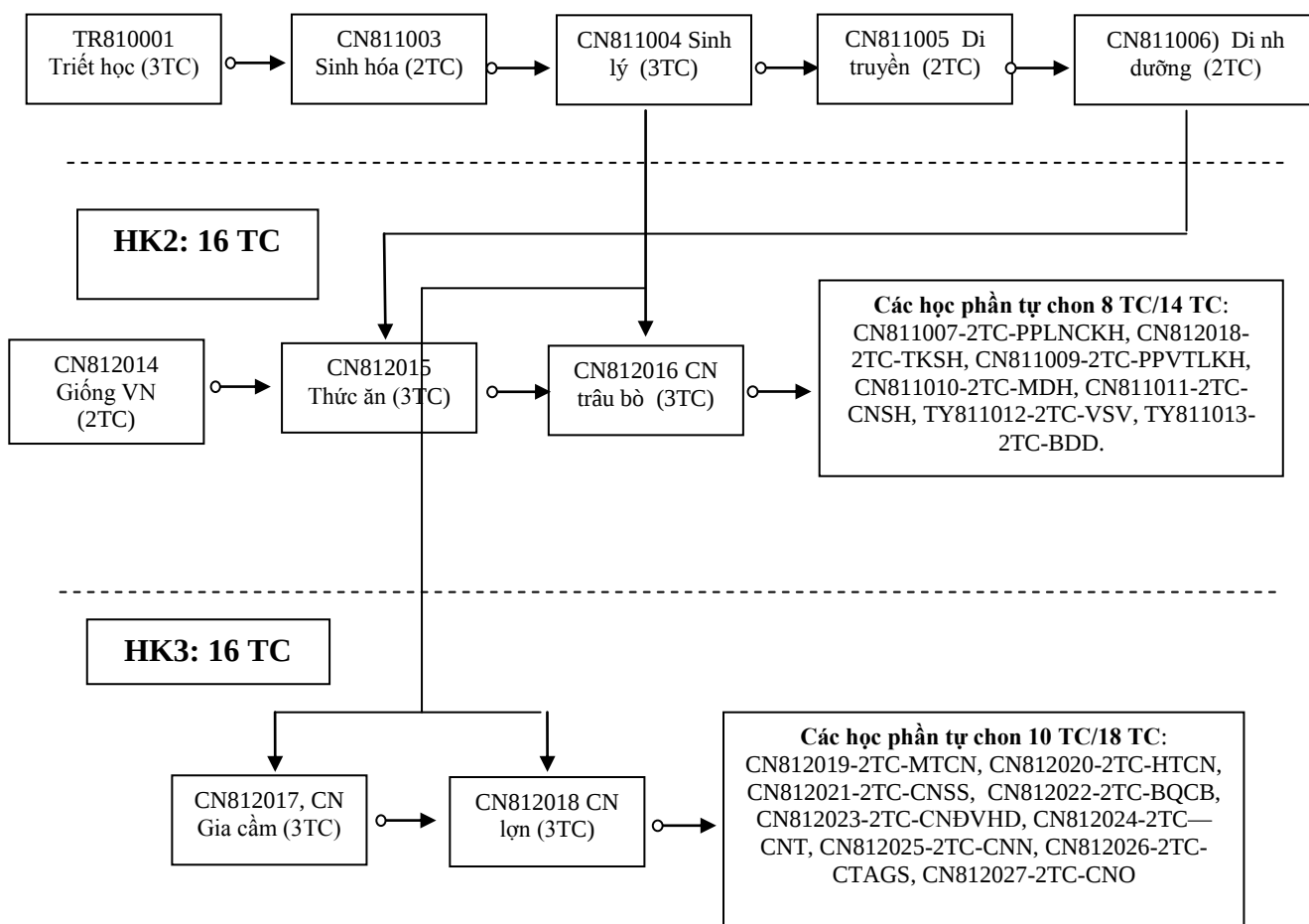
CN812023	Chăn nuôi động vật hoang dã (TC)				TS. Vũ Tiến Quang; TS. Cao Thị Lý
CN812024	Chăn nuôi dê, cừu, thỏ (TC)				TS. Văn Tiến Dũng
CN812025	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt (TC)				TS. Võ Văn Nha; TS. Nguyễn Thị Thu Hà;
CN812026	Cây thức ăn gia súc (TC)				TS. Trương Tấn Khanh
CN812027	Kỹ thuật nuôi ong				TS. Vũ Tiến Quang
	Cộng học kỳ 3	16	15	1	

IV. Học kỳ 4:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ hoặc số tiết			
		Tổng	LT	TH	
1	Luận văn tốt nghiệp	10	0	10	Khoa Chăn nuôi thú y
	Cộng học kỳ 4	10	0	10	

10. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO

HK1: 12 TC



11. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG, KHỐI LƯỢNG HỌC PHẦN

1) TR810001. TRIẾT HỌC

Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Điều kiện hình thành, đặc điểm cơ bản và ảnh hưởng của các trào lưu triết học phương Tây, phương Đông đến sự phát triển kinh tế, chính trị, xã hội cũng như sự phát triển của khoa học trong lịch sử. Tiền đề ra đời, các giai đoạn hình thành và đặc điểm của triết học Mác – Lênin. Chủ nghĩa duy vật biện chứng – cơ sở lý luận thế giới quan khoa học. Phép biện chứng duy vật – cơ sở phương pháp luận khoa học trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Học thuyết hình thái kinh tế – xã hội – cơ sở lý luận để nhận thức và định hướng xây dựng xã hội tiến bộ.

2) TA810099. TIẾNG ANH

Học phần cung cấp cho người học cơ hội thực hành làm các bài thi nghe theo cấp độ B1; cụ thể là cung cấp cho học viên chiến lược và kỹ thuật nghe 5 đoạn hội thoại ngắn và đánh dấu vào 5 bức tranh/ hình ảnh đúng; nghe một đoạn hội thoại dài để chọn 5 câu Đúng hoặc Sai so với nội dung; nghe một đoạn độc thoại ngắn rồi đánh dấu vào 5 đồ vật/ sự việc. Thực hành các bài thi nói theo cấp độ B1; cụ thể là cung cấp cho học viên kỹ năng tự trình bày về tiểu sử bản thân, và trình bày 1 chủ đề với bố cục rõ ràng bao gồm giới thiệu nội dung, phát triển ý, kết luận. Cung cấp cho người học cơ hội luyện các bài thi đọc hiểu theo cấp độ B1; cụ thể là cung cấp cho học viên kỹ năng đọc hiểu một câu đơn hoặc câu phức, bảng quảng cáo, bảng báo hiệu, các đoạn mô tả ngắn với các chủ đề liên quan đến đời sống hàng ngày. Cung cấp cho người học cơ hội luyện các bài thi viết theo cấp độ B1; cụ thể là cung cấp cho học viên kỹ năng viết câu tương đương; viết một bài ngắn khoảng 100 -120 từ có nội dung liên quan đến đời sống hàng ngày; viết một lá đơn xin việc sau khi đọc một quảng cáo việc làm. Kết thúc khóa học, học viên có kỹ năng làm bài thi viết cấp độ B1.

3) CN811003. HÓA SINH ĐỘNG VẬT

Hóa sinh động vật giảng dạy cho cao học là một bộ phận cấu thành không thể thiếu của hệ thống kiến thức trang bị cho một thạc sĩ hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y. Bằng ngôn ngữ hóa học, hóa sinh học mô tả các quá trình chuyển hóa vật chất và năng lượng, vốn là nền tảng của mọi quá trình sinh lý, bệnh lý, sinh trưởng, phát triển, di truyền, biến dị ... của sinh vật.

4) CN811004. SINH LÝ ĐỘNG VẬT

Sinh lý gia súc là một học phần khoa học cơ sở của ngành chăn nuôi thú y và nó trang bị cho sinh viên những kiến thức cốt lõi về cơ chế điều chỉnh các hoạt động sống trong mối qua hệ tương tác với môi trường sống nhằm duy trì hoạt động sống bình thường và tạo ra sản phẩm chăn nuôi theo định hướng.

Học phần sinh lý gia súc gồm 5 chương và 1 bài thực tập: (1) Cơ chế điều khiển thần kinh – nội tiết, (2) Sinh lý tiêu hóa và trao đổi chất (3) Sự chọn lựa thức ăn cơ sở của trao đổi chất an toàn, (4) Sinh lý thích nghi (5) Sinh lý sinh trưởng và phát triển. Nội dung của các chương có liên quan mật thiết với nhau, nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống và cập nhật sinh lý gia súc và những ứng dụng cơ chế trong chăn nuôi nhằm nâng cao năng suất chăn nuôi và bảo vệ sức khỏe gia súc.

Phần thực tập chủ yếu hướng dẫn học viên phương pháp sử dụng các công nghệ cao trong việc các chỉ tiêu sinh lý và việc đánh giá các chỉ tiêu trong mối quan hệ tương tác với cơ thể và môi trường.

5) CN811005. DI TRUYỀN ĐỘNG VẬT

Các đối tượng, nội dung và phương pháp NC di truyền. Vai trò của di truyền đối với ngành chăn nuôi. Cơ sở vật chất di truyền ở mức phân tử và tế bào. Cấu trúc và hoạt động của gen, tổ chức của gen trong genom. Các quy luật di truyền của các tính trạng. Di truyền xác định giới tính. Di truyền ngoại nhân và ảnh hưởng của dòng mẹ. Di truyền phân tử và ứng dụng của di truyền phân tử.

6) CN811006. DINH DƯỠNG ĐỘNG VẬT

Học phần trình bày các nội dung: vai trò, ý nghĩa và sự trao đổi các chất dinh dưỡng protein, acid amin, các vi dinh dưỡng, năng lượng, và phương pháp xác định giá trị dinh dưỡng thức ăn thông qua protein và năng lượng; thu nhận và các yếu tố ảnh hưởng lượng ăn vào của vật nuôi. Trong chương trình Cao học chủ yếu nâng cao kiến thức trong các lĩnh vực chuyển hóa các chất dinh dưỡng đối với động vật nhai lại; Dinh dưỡng các chất vi lượng: khoáng, vitamin, và các chất bổ sung; Mối tương tác của các chất dinh dưỡng trong quá trình chuyển hóa trong cơ thể.

7) CN811007. PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Khái niệm khoa học. Khái niệm nghiên cứu khoa học. Đề tài nghiên cứu khoa học. Khái niệm. Phán đoán. Suy luận. Cấu trúc của phương pháp luận nghiên cứu khoa

học. Phương pháp khoa học. Bản chất của quan sát. Vấn đề nghiên cứu khoa học. Tài liệu. Thu thập tài liệu. Giả thuyết. Phương pháp thu thập dữ liệu từ tham khảo tài liệu. Phương pháp thu thập tài liệu từ thực nghiệm. Phương pháp thu thập tài liệu từ phi thực nghiệm. Viết và công bố kết quả nghiên cứu: Cách trình bày dữ liệu dạng bảng. Bảng dữ liệu mô tả. Bảng dữ liệu thống kê. Cách trình bày dữ liệu dạng hình. Biểu đồ cột và thanh. Biểu đồ tần suất. Biểu đồ phân tán. Biểu đồ đường biểu diễn. Biểu đồ hình bánh. Biểu đồ diện tích. Biểu đồ tam giác. Sơ đồ chuỗi. Sơ đồ cơ cấu tổ chức. Viết và công bố kết quả nghiên cứu: báo cáo khoa học, bài báo, luận văn...

8) CN811008. THỐNG KÊ SINH HỌC VÀ THIẾT KẾ THÍ NGHIỆM

Học phần này nhằm mục tiêu trang bị cho người học những kiến thức, sự hiểu biết những kiến thức nâng cao về thống kê sinh học và thiết kế thí nghiệm trong chăn nuôi: lực thống kê và kiểm tra giả thuyết thống kê, phân tích phương sai và phân tích sau phân tích phương sai, tương quan hồi quy, các kiểu thiết kế thí nghiệm như CRD, RCB, IRCB, LSD, Split-Plot, ứng dụng các phần mềm thống kê thông dụng để phân tích kết quả thí nghiệm.

9) CN811009. PHƯƠNG PHÁP VIẾT TÀI LIỆU KHOA HỌC

Phương pháp viết khoa học là học phần giới thiệu kiến thức và rèn luyện kỹ năng viết một cách logic, có phân tích, có hệ thống về một bài báo khoa học hay viết một luận án khoa học trên cơ sở kiến thức, tư liệu, số liệu mà người viết đã có.

10) CN811011. CÔNG NGHỆ SINH HỌC ỨNG DỤNG TRONG CHĂN NUÔI

Học phần gồm 5 chương:

Chương I: Trình bày các khái niệm, định nghĩa về công nghệ sinh học cũng như lược sử, các lĩnh vực nghiên cứu và xu thế phát triển của ngành này.

Chương II: Làm sáng tỏ nguyên lý, cách tiến hành các kỹ thuật nền của công nghệ sinh học hiện đại, bao gồm các kỹ thuật tạo ADN tái tổ hợp và các kỹ thuật phân tích ADN.

Chương III và IV: Chỉ rõ cách ứng dụng hiệu quả những kỹ thuật tiên tiến của công nghệ sinh học thực vật và động vật trong trồng trọt và chăn nuôi, thú y, đặc biệt trong công tác giống cây trồng và vật nuôi.

Chương V: Đưa ra các khái niệm, định nghĩa về sinh vật biến đổi di truyền, những lợi ích và rủi ro có thể có của chúng cũng như các quy định về an toàn sinh học cho các sinh vật biến đổi di truyền.

11) CN811012. VI SINH VẬT TRONG CHĂN NUÔI

“Vi sinh vật học chăn nuôi” thuộc chương trình Cao học chăn nuôi cung cấp những kiến thức chuyên sâu trong việc phân lập, xác định chủng loại (đồng định) vi sinh vật và ứng dụng các nguyên lý khoa học liên quan đến qui luật phát triển và điều hòa sinh học ở các vi sinh vật trong việc nâng cao chất lượng chăn nuôi, trong chế biến và bảo quản các sản phẩm chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi nhằm bảo vệ môi trường.

12) TY811010. MIỄN DỊCH HỌC THÚ Y

Tế bào Lympho B và đáp ứng miễn dịch dịch thể; tế bào Lympho T và đáp ứng miễn dịch qua trung gian tế bào; Tế bào trình diện kháng nguyên; kiểm soát, điều hòa đáp ứng miễn dịch; miễn dịch ghép.

13) TY811013. BỆNH DINH DƯỠNG

Thể nào là bệnh dinh dưỡng, ý nghĩa của các chất dinh dưỡng đối với sức khỏe vật nuôi. Nguyên nhân, triệu chứng, cách phòng trị các bệnh do thiếu các chất dinh dưỡng của vật nuôi và đưa ra các biện pháp nhằm tăng năng suất chăn nuôi.

14) CN812014. GIỐNG VẬT NUÔI

Khái niệm về quần thể, di truyền trong quần thể. Định luật Hardy-Wanberg. Các yếu tố ảnh hưởng đến cân bằng di truyền trong quần thể.. Di truyền các tính trạng kinh tế ở vật nuôi. Quan hệ di truyền giữa các cá thể. Hiệp phương sai di truyền giữa các cá thể. Sự biến thiên của các tính trạng số lượng. Mô hình di truyền tính trạng số lượng. Các tham số di truyền ứng dụng trong chọn lọc và nhân giống: Hệ số di truyền, Hệ số lặp lại. Hệ số tương quan di truyền. Chọn lọc vật nuôi: Khái niệm về chọn lọc, một số khái niệm cơ bản trong chọn lọc: Hiệu quả chọn lọc; Ly sai chọn lọc; Cường độ chọn lọc; khoảng cách thế hệ; Tiến bộ di truyền. Giá trị giống của vật nuôi: Định nghĩa, các phương pháp dự đoán giá trị giống. Chỉ số chọn lọc. Nhân giống thuần chủng; Giao phối cận huyết; Nhân giống thuần chủng theo dòng; Ưu thế lai, các phương pháp lai tạo

Phần thực tập chủ yếu hướng dẫn học viên về các hệ thống đánh giá chất lượng sản phẩm chăn nuôi trên thế giới và trong nước, sử dụng công nghệ cao trong việc đánh giá toàn diện các chỉ tiêu chất lượng thịt.

15) CN812015. THỨC ĂN GIA SÚC

Học phần thức ăn cao học chủ yếu trình bày các nội dung: Các hệ thống phân loại thức ăn chăn nuôi hiện đại trên thế giới; thu nhận và các yếu tố ảnh hưởng lượng ăn vào của vật nuôi, phương pháp nghiên cứu; Chế biến và sử dụng thức ăn trong chăn nuôi động vật nhai lại, TMR; Thức ăn vi lượng và phụ gia.

Phần thực hành chủ yếu để nâng cao kỹ năng của học viên trong việc sử dụng các phần mềm lập khẩu phần và năng lực để tạo ra một cơ sở dữ liệu mới trong việc lập khẩu phần có thể ứng dụng được trong điều kiện sản xuất cụ thể.

16) CN812016. CHĂN NUÔI TRÂU BÒ

Nội dung học phần bao gồm: Hệ thống hoá và cập nhật thông tin về tình hình chăn nuôi trâu bò trên thế giới và trong nước; củng cố và nâng cao kiến thức về giống và công tác giống, dinh dưỡng và thức ăn, kỹ thuật chăn nuôi, và một số vấn đề liên quan đến công tác tổ chức sản xuất của nghề chăn nuôi trâu bò. Học viên sẽ được hướng dẫn để có chủ động cập nhật và nâng cao kiến thức thông qua các chủ đề được giao chuẩn bị cho các buổi seminar, các bài tiểu luận. Tham quan học hỏi thực tế và thực hành một số kỹ năng tại các cơ sở chăn nuôi trâu bò sẽ được tổ chức tùy theo tình hình cụ thể và kinh phí cho phép.

Phần thực tập có hai nội dung chính: 1) Sử dụng các hệ thống đánh giá hiện đại trong xác định các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm chăn nuôi bò, 2) Tham quan hoặc thực hành (nếu có điều kiện) quy trình nuôi dưỡng hiện đại TMR (Total Mix Ration).

17) CN812017. CHĂN NUÔI GIA CẦM

Chăn nuôi gia cầm là một học phần chuyên khoa của ngành chăn nuôi- thú y. Qua học phần này người học không chỉ có thêm các kiến thức cơ sở, những hiểu biết về sinh học, sinh lý của các đối tượng gia cầm mà còn được trang bị các kiến thức mới về các tiến bộ khoa học kỹ thuật về di truyền, giống, dinh dưỡng, các qui trình chăn nuôi tiến tiến ứng dụng trong chăn nuôi gia cầm, các kiến thức phục vụ cho nghiên cứu khoa học và tổ chức sản xuất một lĩnh vực chuyên ngành về gia cầm. Học phần

được tổ chức giảng dạy đồng thời với các học phần chuyên khoa khác (lợn, trâu bò) và sau khi đã kết thúc việc học các học phần cơ sở của ngành chăn nuôi.

Phần thực tập có hai nội dung chính: 1) Sử dụng công nghệ cao trong việc đánh giá chất lượng thịt và trứng, 2) Hệ thống các chỉ tiêu quốc gia và quốc tế về chất lượng thịt.

18) CN812018. CHĂN NUÔI LỢN

Học phần bao gồm 2 phần:

Phần lý thuyết gồm: Vai trò của nghề chăn nuôi lợn đối với ngành kinh tế quốc dân. Những thành tựu của ngành chăn nuôi lợn của thế giới, nước ta và triển vọng phát triển của nó.

Kỹ thuật chọn lọc, nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý lợn đực giống, lợn nái hậu bị, lợn nái có chữa, lợn nái nuôi con, lợn con theo mẹ, lợn con sau cai sữa, lợn thịt nhỏ, lợn thịt lớn.

Quy hoạch, xây dựng chuồng trại nuôi lợn ở các mô hình chăn nuôi (Mô hình chăn nuôi lợn nông hộ vừa và nhỏ; Mô hình chăn nuôi lợn công nghiệp có quy mô vừa và lớn với mức độ thâm canh cao).

Phần thực hành gồm: Sử dụng các phần mềm vi tính để phối chế khẩu phần thức ăn cho lợn bằng nguồn thức ăn địa phương.

Đánh giá thực trạng phân bố mặt bằng, kiểu chuồng của trại chăn nuôi lợn thuộc mô hình chăn nuôi lợn tập trung và chăn nuôi lợn nông hộ có quy mô vừa và nhỏ ở tỉnh Thừa Thiên Tây Nguyên. Đưa ra mô hình phân bố mặt bằng, các chi tiết cụ thể của một dãy chuồng, một ô chuồng của các loại lợn thuộc các mô hình chăn nuôi lợn khác nhau

19) CN812019. MÔI TRƯỜNG CHĂN NUÔI

Nghiên cứu tương tác giữa môi trường và động vật nói chung trở thành học phần khoa học mới mẻ (được gọi là sinh khí tượng). Trên cơ sở quan điểm phòng bệnh hơn chữa bệnh, nội dung học phần cung cấp cho học viên các nguyên lý cơ bản về vệ sinh môi trường (không khí) ứng dụng trong chăn nuôi động vật, đề phòng ô nhiễm môi trường. Nguyên lý tương tác giữa môi trường và phản ứng sinh lý của động vật. Ảnh hưởng của môi trường đến sức sản xuất và bệnh ở vật nuôi. Từ đó điều chỉnh các

yếu tố của môi trường phù hợp với đặc điểm sinh lý và sức sản xuất của vật nuôi nói chung và một số loại vật nuôi hiện nay. Nhằm nâng cao hiệu quả trong chăn nuôi.

20) CN812020. HỆ THỐNG CHĂN NUÔI GIA SÚC NHIỆT ĐỚI

Hệ thống sản xuất chăn nuôi được giới thiệu thông qua cách phân tích và đánh giá tổng thể của toàn bộ các yếu tố/thành phần hoạt động. Đồng thời xác định các mối quan hệ bên trong và bên ngoài có ảnh hưởng và khả năng quản lý chúng của người sản xuất. Nghiên cứu hệ thống dựa trên các quy luật hoạt động của tự nhiên nhưng cũng vừa là tổng thể và cụ thể, vừa là chung nhưng lại riêng, vừa là có giới hạn nhưng lại rất linh động.

21) CN812021. CÔNG NGHỆ SINH SẢN VẬT NUÔI

Sinh sản gia súc là một học phần khoa học cơ sở của ngành thú y và nó trang bị cho sinh viên những kiến thức cốt lõi về cơ chế điều chỉnh các hoạt động sinh sản trong môi trường tương tác với môi trường sống nhằm duy trì hoạt động sinh sản bình thường và tạo ra sản phẩm sinh sản theo định hướng sản xuất.

Học phần sinh sản gia súc gồm 5 chương: (1) Tiềm năng sinh sản và những thành tựu về công nghệ sinh sản, (2) Tập tính sinh sản (3) Vai trò của pheromone trong điều hòa sinh sản (4) Dinh dưỡng và sinh sản (5) Sinh sản và bảo tồn vốn gene động vật. Nội dung của các chương có liên quan mật thiết với nhau, nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống và cập nhật sinh sản gia súc và những ứng dụng thành tựu sinh sản trong chăn nuôi nhằm nâng cao năng suất sinh sản và bảo vệ sức khỏe gia súc.

22) CN812022. BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN CÁC SẢN PHẨM CHĂN NUÔI

Học phần về lý thuyết bao gồm ba chương chính: Phần thịt, cá giới thiệu về cơ sở khoa học của những biến đổi của thịt, cá sau khi chết; nguyên lý, cơ chế và đặc điểm của các phương pháp bảo quản thịt, cá; Chất lượng thịt, cá và vệ sinh an toàn thực phẩm Phần chất lượng trứng gia cầm giới thiệu về cơ sở khoa học của những biến đổi của trứng trong thời gian bảo quản, tiêu chuẩn và chất lượng trứng, các phương pháp kiểm tra chất lượng trứng, các phương pháp bảo quản và chế biến trứng hiện nay trong nước và trên thế giới. Phần Chất lượng sữa và vệ sinh an toàn thực phẩm giới thiệu các đặc điểm, tính chất và cơ sở khoa học của việc bảo quản sữa, kỹ

thuật và cơ chế của việc tách mỡ sữa, thanh trùng, đồng hóa sữa, các biện pháp thu gom, bảo quản đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

23) CN812023. CHĂN NUÔI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Giới thiệu cho học viên nắm được những kiến thức cơ bản trong nghiên cứu động vật hoang dã (*khái niệm và nguyên tắc trong phân loại động vật, tập tính động vật*). Những đặc điểm sinh học và sinh thái học của động vật hoang dã (*Tập trung: Lớp bò sát, lớp chim, lớp thú*). Vai trò sinh thái và giá trị của động vật hoang dã. Các biện pháp, kỹ thuật chăm sóc chăn nuôi một số loài động vật hoang dã có hiệu quả.

24) CN812024. CHĂN NUÔI DÊ, CỪU, THỎ

Nội dung học phần bao gồm: Hệ thống hoá và cập nhật thông tin về tình hình chăn nuôi dê cừu trên thế giới và trong nước; củng cố và nâng cao kiến thức về giống và công tác giống, dinh dưỡng và thức ăn, kỹ thuật chăn nuôi, và một số vấn đề liên quan đến công tác tổ chức sản xuất của nghề chăn nuôi dê cừu. Học viên sẽ được hướng dẫn để có chủ động cập nhật và nâng cao kiến thức thông qua các chủ đề được giao chuẩn bị cho các buổi seminar, các bài tiểu luận. Tham quan học hỏi thực tế và thực hành một số kỹ năng tại các cơ sở chăn nuôi dê cừu sẽ được tổ chức tùy theo tình hình cụ thể và kinh phí cho phép.

25) CN812025. KỸ THUẬT NUÔI CÁ NƯỚC NGỌT

Đối với chăn nuôi, học phần nuôi cá nước ngọt là một học phần đặc biệt trong quá trình đào tạo cao học. Khác hẳn với môi trường trên cạn, môi trường nước có những đặc tính riêng, ảnh hưởng không nhỏ đến cá nuôi. Vì vậy cần phải có những nội dung chính bao gồm: Nội dung thứ nhất giới thiệu về cá nước ngọt và các khái niệm - nguyên lý trong nuôi cá nước ngọt. Nội dung thứ hai đi sâu vào kỹ thuật nuôi cá nước ngọt ở các hình thức, các loài nuôi khác nhau.

26) CN812026. CÂY THỨC ĂN GIA SÚC

Cây thức ăn xanh được giới thiệu với học viên thông qua mô tả hệ thống các giống cây thức ăn xanh nhiệt đới, đặc điểm thích nghi của mỗi phẩm giống với điều kiện môi trường (khí hậu, đất đai, nước,...) phương trồng, kỹ thuật quản lý, chăm sóc, chế biến, dự trữ và sử dụng một cách có hiệu quả các loại cây thức ăn xanh. Phương pháp nghiên cứu và phát triển cây thức ăn xanh.

27) CN812027. KỸ THUẬT NUÔI ONG

Hệ thống, nâng cao những kiến thức đã học ở bậc đại học và cập nhật các tiến bộ kỹ thuật mới về kỹ thuật nuôi dưỡng, khai thác và phòng trừ bệnh ong nhằm thích ứng với thực tiễn sản xuất, từ đó vận dụng kiến thức mới được cập nhật vào nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn sản xuất.

12. DANH MỤC ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

Cán bộ cơ hữu

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Ngành đào tạo	Học phần
1.	Nguyễn Tấn Vui	1958	PGS. TS	Chăn nuôi	Sinh lý
2.	Trương Tấn Khanh	1956	TS	Chăn nuôi	Dinh dưỡng, Thức ăn, Cây thức ăn
3.	Nguyễn Tuấn Hùng	1963	TS	Chăn nuôi	Sinh lý, Công nghệ sinh sản
4.	Trần Quang Hân	1958	PGS. TS	Chăn nuôi	Sinh hóa, PP NCKH
5.	Phạm Thế Huệ	1958	TS	Chăn nuôi	Giống vật nuôi, Di truyền
6.	Trần Quang Hạnh	1964	TS	Chăn nuôi	CN gia cầm, Bệnh dinh dưỡng
7.	Nguyễn Văn Diên	1962	PGS. TS	Thú y	Động vật hoang dã
8.	Cao Văn Hồng	1957	TS	Thú y	Vì sinh vật, Miễn dịch
9.	Đinh Nam Lâm	1965	TS	Thú y	Môi trường chăn nuôi
10.	Nguyễn Thị Hè	1957	TS	Thủy sản	Nuôi cá nước ngọt
11.	Vũ Tiến Quang	1963	TS	Chăn nuôi	Khoa học ong mật; Chăn nuôi động vật hoang dã; Hệ thống CN Nhiệt đới
12.	Văn Tiến Dũng	1963	TS	Chăn nuôi	Chăn nuôi trâu bò, dê
13.	Nguyễn Văn Tuyên	1953	TS	Triết học	Triết học

14.	Ytrou Alio	1958	TS	Ngoại ngữ	Tiếng Anh
-----	------------	------	----	-----------	-----------

Cán bộ dự kiến mời giảng

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Chuyên ngành	Nơi công tác	Học phần
1.	Vũ Chí Cương	1958	GS.TS	Chăn nuôi	Viện Chăn nuôi Quốc gia	Thống kê sinh học, Hệ thống chăn nuôi
2.	Tạ T.Bích Duyên	1957	TS	Chăn nuôi	Viện Chăn nuôi Quốc gia	Công nghệ SH trong chăn nuôi
3.	Hoàng Nghĩa Duyệt	1952	PGS.TS	Chăn nuôi	Trường Đại học Nông lâm Huế	Chăn nuôi Lợn
4.	Đặng Vũ Bình	1947	GS.TS	Chăn nuôi	Đại học NN 1 Hà nội	Di truyền, Viết tài liệu khoa học

13. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

13.1. Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính

Sử dụng các phòng thí nghiệm hiện có của các khoa Nông Lâm, Sư phạm trong trường. Đã có các phòng thí nghiệm, thực hành sau phục vụ cho đào tạo:

TT	Tên Phòng thí nghiệm	Số lượng	Diện tích/phòng (m2)
1.	Phòng thí nghiệm sinh học	01	60
2.	Phòng thí nghiệm Chăn nuôi	01	65
3.	Phòng thí nghiệm Thú Y cơ sở	01	65
4.	P. thí nghiệm Thú y chuyên ngành	01	70
5.	Trạm xá Thú y	01	70
6.	Cơ sở thực tập tại trại Chăn nuôi	01	85
7.	Viện Công nghệ sinh học và môi trường	01	400

13.2. Thư viện

Trung tâm tư liệu và thư viện trường sẽ thu thập và cung cấp giáo trình, bài giảng, sách tham khảo. Sử dụng giáo trình, bài giảng và các loại tài liệu tham khảo khác do cán bộ giảng dạy của trường biên soạn hoặc của các trường khác trong và ngoài nước.

13.3. Địa bàn thực tập

Trường đóng trên địa bàn Tây Nguyên nên có nhiều thuận lợi trong tổ chức thực tập giáo trình trên hiện trường. Địa điểm thực tập là các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, công ty lâm nghiệp, địa phương ở các tỉnh Tây Nguyên.

13.4 Giáo trình, tập bài giảng

Số TT	Tên sách, tạp chí phục vụ ngành đào tạo	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng
1	Sinh hóa học với cơ sở khoa học công nghệ gen. Giáo trình cao học nông nghiệp	Việt Nam	1997	20
2	Giáo trình Hóa sinh động vật, NXB Nông nghiệp.	Việt Nam	2006	20
3	Giáo trình Sinh học phân tử	Việt Nam	2007	20
4	Sinh học phân tử	Việt Nam	2007	20
5	Giáo trình Sinh lý động vật	Việt Nam	2005	20
6	Công nghệ sinh học trong chăn nuôi gia súc	Việt Nam	2005	20
7	Physiology of Domestic Animals Dukes 2007 Cornell University Press London.	Việt Nam	2007	20
8	Nguyễn Minh Hoàn, Nguyễn Kim Đường, Phạm Khánh từ: Di truyền học động vật, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 2000	Việt Nam	2000	20
9	Nguyễn Kim Đường. Di truyền học quần thể. NXB Nông nghiệp, 2008	Việt Nam	2008	20
10	Sinh sản gia súc	Việt Nam	2001	20
11	Dương Thanh Liêm, Bùi Huy Như Phúc, Dương Duy Đồng (2002). Thức ăn và dinh dưỡng động vật. Nhà XBNN, TP Hồ Chí Minh. 440 trang.	Việt Nam	1990	10

12	Lê Đức Ngoan. 2002. Giáo trình dinh dưỡng gia súc. Nhà xuất bản nông nghiệp	Việt Nam	1986	14
13	Hồ Trung Thông, Lê Văn An (chủ biên). 2006. Giáo trình hóa sinh động vật. Nhà XBNN Hà Nội.	Việt Nam	1999	10
14	Viện chăn nuôi, 2002. Bảng thành phần hóa học và giá trị dinh dưỡng thức ăn gia súc. Nhà XBNN Hà nội.	Việt Nam	1991	10
15	Vũ Duy Giảng, Nguyễn Xuân Bả, Lê Đức Ngoan, Vũ Chí Cương, Nguyễn Xuân Trạch, Nguyễn Hữu Văn (2008). Dinh dưỡng và thức ăn cho bò. Nhà XBNN Hà Nội.	Việt Nam	1992	12
16	Vũ Duy Giảng, 2001. Giáo trình dinh dưỡng và thức ăn gia súc (Dành cho cao học). Nhà XBNN, Hà Nội.	Việt Nam	1991	10
17	NGUYỄN ĐÍ NH HIÊN . & ĐỖ ĐỨC LỰC. (2007). Giáo Trình Thiết Kế Thí Nghiệm. Hà Nội : Nhà xuất bản Nông nghiệp.	Việt Nam	1996	08
18	NGUYỄN VĂN THIỆN. (1997). Phương pháp nghiên cứu trong chăn nuôi. Hà Nội: Nhà xuất bản Nông nghiệp.	Việt Nam	2sd Edition	05
19	LÊ ĐÌNH PHÙNG . (2008) Bài giảng thiết kế thí nghiệm trong chăn nuôi , Đại Học Nông Lâm Huế.	Việt Nam	7th Edition	05
20	Vũ Cao Đàm (2007). Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học. Nhà XB giáo dục, Hà Nội.	Việt Nam	6th Edition	05
21	Day, R. (2002). How to write and publish	Việt Nam	6th	05

	a scientific paper. 5th Ed. Cambridge University Press.		Edition	
22	Malmfors B., Garnsworthy P., Grossman M. (2000). Writing and presenting scientific paper. Nottingham University Press. 133 pp	USA	1991	07
23	Nguyễn Mộng Hùng, 2004. Công nghệ phôi và tế bào động vật. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia.	Việt Nam	1995	10
24	Nguyễn Khắc Tuấn, 1996. Vi sinh vật học chăn nuôi. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.	Việt Nam	1999	10
25	Trần Thị Thanh, 2001. Công nghệ vi sinh. NXB Giáo dục, Hà Nội.	Việt Nam	1999	10
26	Nguyễn Minh Hoàn. Bài giảng Giống vật nuôi dùng cho cao học.	Việt Nam	1992	04
27	Nguyễn Đức Hưng, Nguyễn Minh Hoàn, Lê Đình Phùng. Chọn giống và nhân giống vật nuôi. Đại học NL Huế, năm 2006.	Việt Nam	1996	10
27	Dương Thanh Liêm, Bùi Huy Như Phúc, Dương Duy Đồng. Thức ăn và dinh dưỡng động vật. Nhà XBNN, TP HCM. 440 trang.	Việt Nam	2002	05
29	Giáo trình chăn nuôi gia cầm ĐHNN 1, ĐHNN 2.	Việt Nam	1996	20
30	Giáo trình chăn nuôi lợn. Nguyễn Quang Linh, Hoàng Nghĩa Duyệt, Phùng Thăng Long. NXB Nông nghiệp, 2005.	Việt Nam	2005	20
31	PGS.TS. Trần Thị Dân, TS. Nguyễn Viết Khang, Giáo trình Sinh lý động vật, NXB nông nghiệp TP Hồ Chí Minh, 2006	Việt Nam	2006	20
32	Physiology of Domestic Animals Dukes	England	2007	05

	2007 Cornell University Press London			
33	Giáo trình chính: Giáo trình Vệ sinh thú y (biên soạn theo chương trình khung)	Việt Nam	2008	20
34	Nguyễn Quang Linh. Hệ thống sản xuất Nông nghiệp, Bài Giảng, 1996. Tài liệu có ở Thư viện trường.	Việt Nam	1996	05
35	Ashworth, C.J., 2006. Sustainable Livestock Systems. Blackwell Publishing. Oxford. Chapter4. p104-146	England	2006	10
36	Đinh Văn Bình. Kỹ thuật chăn nuôi dê sữa – dê thịt. Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, Hà Nội. (2004). Thư viện ĐHNL Tây Nguyên	Việt Nam	2004	20
37	Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Triết học (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học)	Việt Nam	2006	30

14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo tất cả các học phần diễn ra trong 3 học kỳ đầu tiên, học kỳ 4 để thực hiện luận văn tốt nghiệp. Tuy nhiên để có thời gian chuẩn bị và thực hiện tốt luận văn tốt nghiệp, học viên được đăng ký đề tài tốt nghiệp vào cuối học kỳ 2.

Học viên chỉ được bảo vệ luận văn khi có đủ các điều kiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT- BGDDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đắk Lắk, ngày 08 tháng 01 năm 2015

TRƯỞNG KHOA CHĂN NUÔI THÚ Y

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(ĐÃ KÝ)

(ĐÃ KÝ)

PGS.TS. Nguyễn Văn Diên

TS. Trần Trung Dũng